

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/09/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đức Hạnh, bà Trương Thị Dung.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Diệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09/09/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 08 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/08/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

Bị đơn: Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Xóm A, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Q vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị N và anh Q lấy nhau năm 2014. Khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý tỉnh Nam Định, sau khi có cuộc sống chung, chị N và anh Q sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên va chạm, anh Q không quan tâm đến vợ con, nhiều lần hành hung đánh đập chị N. Nay chị N xác định không còn tình cảm đã làm đơn xin ly hôn anh Q tại Tòa án huyện Ý tỉnh Nam Định; Về con chung: Có hai con chung là Ngô Việt A, sinh ngày 25/12/2014 và Ngô Việt H, sinh ngày 19/10/2017. Chị N có nguyện vọng nuôi hai con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Ngô Văn Q** đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **Q** không đến làm việc. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, anh **Q** vắng mặt. Chị **N** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **Ngô Văn Q** theo quy định tại khoản 3 Điều 210 bộ Luật Tố tụng dân sự, và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Trong biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của cháu **Ngô Việt H** và cháu **Ngô Việt A** trình bày: Nguyện vọng của cả hai cháu đều muốn được ở cùng với mẹ.

4. Đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng chị **Nguyễn Thị N** và anh **Ngô Văn Q** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** vào ngày 28/08/2014, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là **Ngô Việt H**, sinh ngày 19/10/2017 và **Ngô Việt A**, sinh ngày 25/12/2014. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Quá trình Tòa án thụ lý theo đơn của chị **Nguyễn Thị N**, địa phương đã kết hợp với Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **Ngô Văn Q** nhưng anh **Ngô Văn Q** không đến làm việc. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị **Nguyễn Thị N** có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, anh **Q** vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị N** và anh **Ngô Văn Q**.

Về con chung: Có hai con chung là **Ngô Việt A**, sinh ngày 25/12/2014 và cháu **Ngô Việt H** sinh ngày 19/10/2017. Đề nghị hội đồng xét xử giao cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị **N**.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm ly hôn chị **Nguyễn Thị N** phải nộp theo quy định pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị **N** đề nghị xét xử vắng mặt.



Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Ngô Văn Q** có hộ khẩu thường trú tại **Xóm A, xã Y, huyện Ý tỉnh Nam Định**. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị N** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 21/8/2024, Tại trụ sở Tòa án **huyện Ý tỉnh Nam Định**, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Anh **Ngô Văn Q** vắng mặt, chị **Nguyễn Thị N** có mặt và có đơn xin không tiến hành hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án chị **Nguyễn Thị N** có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Ngô Văn Q** triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Ngô Văn Q** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014 tại **Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định**. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì giữa chị **N** và anh **Q** phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên va chạm, anh **Q** không quan tâm đến vợ con, nhiều lần hành hung đánh đập chị **N**. Chị **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh **Ngô Văn Q**. Về phía anh **Ngô Văn Q** cũng đã nhận được thông báo, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì công việc anh không lên Tòa án giải quyết được. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh **Ngô Văn Q** vắng mặt, chứng tỏ anh **Q** không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm giữa chị **Nguyễn Thị N**, anh **Ngô Văn Q** mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị **N**, xử cho chị **N** được ly hôn anh **Q** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Ngô Văn Q** có hai con chung là **Ngô Việt A**, sinh ngày 25/12/2014 và cháu **Ngô Việt H** sinh ngày 19/10/2017. Để đảm bảo quyền mọi mặt của con chung, trên cơ sở nguyện vọng của chị **N** và yêu cầu của các con chung. HĐXX, xét thấy cần thiết giao cả hai con chung **Ngô Việt A**, và cháu **Ngô Việt H** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng nuôi con của chị **N**. Anh **Q** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn Q.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi hai con chung là Ngô Việt A, sinh ngày 25/12/2014 và cháu Ngô Việt H sinh ngày 19/10/2017. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con của chị N. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003673, ngày 09/08/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn Q vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Tâm**

**T**

